

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2022/HC-PT

Ngày: 06/10/2022

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong việc bồi thường, hỗ trợ
giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 98/2021/TLPT-HC ngày 16 tháng 03 năm 2021, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 10/2020/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9179/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 7, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Đức C; địa chỉ: Số 783 đại lộ TĐT, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Vũ TM P – Luật sư của Công ty luật TNHH SL thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** *Người bị kiện:*** UBND huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện: Ông Nguyễn Đức C – Chủ tịch UBND huyện VB; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Bá T2 – Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên môi trường huyện VB và bà Trần Thị C2 – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện VB; đều có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Thôn 7, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B:

- Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1961;
- Bà NTH, sinh năm 1984;
- Bà Nguyễn Thị HT, sinh năm 1987;
- Bà Nguyễn Thị VA, sinh năm 1989;
- Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1992;
- Bà Nguyễn TM, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện trình bày: Năm 1993, gia đình bà T mua 01 lô đất của xã GB để làm nhà ở với số tiền 8.210.000 đồng/lô, 16m chiều ngang mặt QL 10, chiều sâu là từ mép đường 10 đến mương nước ở sau khoảng 42m (không có biên bản), hiện gia đình không giữ biên lai thu tiền. Năm 2000, dự án mở rộng QL 10 thu hồi của gia đình bà một phần đất nhưng không nhớ diện tích cụ thể là bao nhiêu, chỉ được nhận tiền 10.000 đồng/m². Năm 2007, UBND huyện VB lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đứng tên vợ chồng bà Nguyễn Văn B, Đoàn Thị T.

Ngày 02/11/2016, gia đình bà nhận được T báo số 51/TB-TN&MT ngày 14/10/2016 của UBND huyện VB và dự thảo P án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng QL10, theo đó đất ở của gia đình bà là đất công, không bồi thường về đất, chỉ hỗ trợ 30% phần giá trị tài sản trên đất.

Ngày 29/11/2016, UBND huyện VB ban hành Quyết định số 3162/QĐ-UBND về việc phê duyệt P án bồi thường hỗ trợ, nhưng không bồi thường về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ngày 16/12/2016, UBND huyện VB ban hành T báo số 1133/TB-UBND yêu cầu các hộ tháo dỡ, di chuyển tài sản để nhà thầu thi công.

Gia đình bà cùng với các hộ dân khác đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; sau đó, UBND huyện VB đã ban hành các quyết định bổ sung bồi thường tiền đất cho gia đình bà là 41,85m² trên thực tế là 97,25m² đã bị thu hồi.

Người khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3294/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND huyện VB, Quyết định thu hồi đất số 1669/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện VB và Quyết định phê duyệt P án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 97,25m² đất của gia đình bà năm 2015-2017.

2. Yêu cầu bồi thường phần đất còn lại là 55,4m² với đơn giá phù hợp thời điểm xét xử và tài sản trên phần đất này. Ngoài ra, bà T đề nghị thực hiện đúng

Công văn số 528/UBND-ĐC2 ngày 07/02/2017 của UBND Hải Phòng, Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của UBND thành phố Hải Phòng và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

3. Buộc UBND huyện VB bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất bằng 10% mức bồi thường khi thu hồi đất ở và 5% giá trị xây mới đối với tài sản trong HLGT.

Theo người bị kiện trình bày: Năm 1985, gia đình ông Nguyễn Văn B (vợ là Đoàn Thị T) được UBND xã giao đất làm nhà ở tại xứ đồng công Mang cá, thôn Lác, xã GB, gần đê Quốc gia. Đến năm 1995, do công tác phòng chống lụt bão và nâng cấp đê điều đã lấy vào phần đất của hộ gia đình bà T. UBND xã đã tính toán tiền đền bù đối với hộ bà T là 19.150.000 đồng, nhưng xã không trả tiền mặt mà giao cho hộ bà T lô đất, chiều ngang phía Quốc lộ 10 là 14,0m, chiều sâu thửa đất giống các hộ liền kề được giao đất năm 1994-1998 để làm nhà ở (thửa đất số 955, tờ bản đồ 6).

Đến ngày 16/9/2007, bà Đoàn Thị T chuyển nhượng một phần thửa đất số 955 cho ông Nguyễn Văn Dương, thửa đất có chiều ngang giáp lưu không Quốc lộ 10 là 5,0m, chiều dài theo hướng Đông Tây là 18m, diện tích là 90m², thuộc thửa đất số 955b, tờ bản đồ số 06, vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26m. Ngày 22/10/2010, ông Dương chuyển nhượng lại thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Duy Miện và được UBND huyện cấp GCNQSD đất ngày 12/11/2010.

Phần còn lại hộ gia đình bà T được UBND huyện cấp GCNQSD đất ngày 28/9/2007: Thửa đất số 955, tờ bản đồ số 6, kích thước thửa đất có chiều dài theo hướng Đông Tây là 18m, chiều ngang thửa đất giáp lưu không Quốc lộ 10 là 9,3m, diện tích là 154m², vị trí thửa đất cách tim quốc lộ 10 là 26m. Hiện trạng hộ bà T đang sử dụng thửa đất có chiều ngang giáp Quốc lộ 10 là 11,0m, nhiều hơn phần đất xã GB đã giao có thu tiền là 11m - 9m = 2 m.

Theo các quyết định thu hồi đất do UBND huyện VB đã ban hành, tổng diện tích thu hồi đất từ mép nhựa QL10 hiện trạng năm 2015 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 97,25m².

UBND huyện VB ban hành Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, thu hồi 58,9m² đất hành lang giao T theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 do nằm ngoài GCNQSD đất đã cấp và không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Xét thấy, một phần diện tích thu hồi thuộc đất xã giao trái thẩm quyền trong hành lang giao T đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi kiểm tra, rà soát lại, UBND huyện đã phê duyệt điều chỉnh loại đất tại Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 thu hồi diện tích 20,1m²; Quyết định số 5748/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 thu hồi bổ sung diện tích 21,75m²; Quyết định số 5976/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 thu hồi bổ sung diện tích 9,2m² đất (trong đó có 7,8m² do UBND xã GB giao không có giấy tờ chứng minh nộp tiền sử dụng

đất) và Quyết định số 6139a/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 thu hồi bổ sung diện tích 1,4m².

Như vậy, tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án là 51,05m², (trong đó đất xã giao có thu tiền sử dụng đất là 43,25m², diện tích 7,8m² không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền sử dụng đất) đủ điều kiện được hỗ trợ tại Công văn số 528/UBND-ĐC2, đồng thời đã tính toán hỗ trợ bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình. Việc mở đường đã tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội địa phương, là tăng khả năng sử dụng đất (hiện giá đất ở tại khu vực đã tăng gấp đôi so với năm 2015); các hộ gia đình bị thu hồi phần đất họ đang sử dụng nằm trong chỉ giới hành lang giao thông và đang sử dụng diện tích lớn hơn hạn mức giao đất tại địa phương nên không ảnh hưởng đến sinh hoạt. Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2020/HC-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 66, Điều 69 và Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

T2 xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3294/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định thu hồi đất số 1669/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện VB; cùng các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt P án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 97,25m² đất hộ bà T đang sử dụng tại thửa đất số 955, tờ bản đồ số 6 xã GB.

2. Bác yêu cầu đòi bồi thường phần đất còn lại là 55,4m² với đơn giá tại thời điểm xét xử.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn T2 về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/6/2020, người khởi kiện là bà Đoàn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Đoàn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đoàn Thị T: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa quyết định của bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3294/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định thu hồi đất số 1669/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện VB; cùng các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt P án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 97,25m² đất hộ bà T đang sử dụng tại thửa đất số 955, tờ bản đồ số 6 xã GB. Buộc UBND huyện VB trình UBND thành phố Hải Phòng bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất khi thu hồi đất ở; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định thu hồi, bồi thường, theo qui định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Do đó, UBND huyện VB ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt P án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà T là phù hợp qui định của pháp luật. Về trình tự thủ tục ban hành T báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, kiểm kê tài sản và ban hành các Quyết định phê duyệt P án bồi thường, hỗ trợ GPMB, P án bổ sung bồi thường, hỗ trợ, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa P đều đúng theo qui định tại các Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013.

[3] Năm 1985, gia đình ông B bà T được UBND xã giao đất làm nhà ở tại xứ đồng cống Mang cá, thôn Lác, xã GB, gần đê Quốc gia. Đến năm 1995, nâng cấp đê điều đã lấy vào phần đất của hộ gia đình; UBND xã đã tính toán tiền đền bù là 19.150.000đồng, nhưng xã không trả tiền mà giao cho ông B lô đất phía Tây Quốc lộ 10, chiều ngang phía Quốc lộ 10 là 14,0m, chiều sâu thửa đất giống các hộ liền kề để làm nhà ở. Ngày 01/5/1996, UBND huyện VB đã cấp GCNQSD đất đứng tên ông Nguyễn Văn B; diện tích sử dụng 244m², tờ bản đồ số 6 xã GB (*có vị trí: Đông giáp lưu không QL10 21m rộng 14m, tây giáp nương rộng 14m, Bắc giáp hộ ông Lương Văn Chuộng dài 18m, Nam giáp hộ bà Phạm Thu Hà 18m*). Đến ngày 16/9/2007, ông B chuyển nhượng một phần thửa đất số 955 cho ông Nguyễn Văn Dương, thửa đất có chiều ngang giáp lưu không Quốc lộ 10 là 5,0m, chiều dài theo hướng Đông Tây là 18m, diện tích là 90m², thuộc thửa đất số 955b, tờ bản đồ số 06, vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26m. Ngày 22/10/2010, ông Dương chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Duy Miện và được UBND huyện cấp GCNQSD đất ngày

12/11/2010. Phần còn lại của thửa đất, hộ gia đình ông Nguyễn Văn B sử dụng và được UBND huyện cấp GCNQSD đất ngày 28/9/2007: *Thửa đất số 955, tờ bản đồ số 6, kích thước thửa đất có chiều dài theo hướng Đông Tây là 18m, chiều ngang thửa đất giáp lưu không Quốc lộ 10 là 9,3m, diện tích là 154m², vị trí thửa đất cách trục quốc lộ 10 là 26m.* Hiện trạng hộ gia đình bà T đang sử dụng thửa đất có chiều ngang giáp Quốc lộ 10 là 11,0m, nhiều hơn phần đất xã GB đã giao có thu tiền là 11m - 9m = 2 m.

Năm 2000, khi thu hồi đất mở rộng QL 10 gia đình bà T bị thu hồi một phần đất và được hỗ trợ 10.000 đồng/m² và đã nhận tiền, không khiếu kiện gì. Theo các quyết định thu hồi đất do UBND huyện VB đã ban hành, tổng diện tích thu hồi đất từ mép nhựa QL10 hiện trạng năm 2015 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 97,25m².

UBND huyện VB ban hành Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, thu hồi 58,9m² đất hành lang giao T theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 do nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Một phần diện tích thu hồi thuộc đất xã giao trái thẩm quyền trong hành lang giao T đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi kiểm tra, rà soát lại, UBND huyện đã phê duyệt điều chỉnh loại đất tại Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 thu hồi diện tích 20,1m²; Quyết định số 5748/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 thu hồi bổ sung diện tích 21,75m²; Quyết định số 5976/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 thu hồi bổ sung diện tích 9,2m² đất (trong đó có 7,8m² do UBND xã GB giao không có giấy tờ chứng minh nộp tiền sử dụng đất) và Quyết định số 6139a/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 thu hồi bổ sung diện tích 1,4m². Như vậy, tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án là 51,05m², (trong đó đất xã giao có thu tiền sử dụng đất là 43,25m², diện tích 7,8m² không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền sử dụng đất) đủ điều kiện được hỗ trợ tại Công văn số 528/UBND-ĐC2, đồng thời đã tính toán hỗ trợ bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình bà T. Bà T yêu cầu bồi thường phần đất hành lang giao T bị thu hồi diện tích 55,4m² với đơn giá đất ở là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T.

[4] Căn cứ Biên bản thẩm định tại chỗ lập ngày 24/12/2019, diện tích đất còn lại của hộ bà T đang sử dụng sau thu hồi năm 2015-2017 là 348m², chiều sâu trung bình tính từ công hộp ven QL10 đến hết đất là 34,5m. Theo GCNQSD đất được cấp năm 2007 thì đất của hộ bà T chỉ có diện tích 154m² đất thổ cư, phần còn lại là hành lang giao T. Như vậy, sau khi bị thu hồi đất hộ bà T hiện vẫn còn sử dụng diện tích đất lớn hơn diện tích được giao ban đầu.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà T về hủy Quyết định thu hồi đất số 3294/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định thu hồi đất số 1669/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện VB;

cùng các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt P án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 97,25m² đất hộ bà T đang sử dụng tại thửa đất số 955, tờ bản đồ số 6 xã GB. Buộc UBND huyện VB trình UBND thành phố Hải Phòng bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất khi thu hồi đất ở là có căn cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2020/HC-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

Về án phí: Bà Đoàn Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0019120 ngày 06/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày T2 án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC HN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương

Hồ Sỹ Hưng

Lê Thị Thúy Bình

